

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **915/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-7-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Thành Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2702/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Phương L, sinh năm 1991

Địa chỉ: 9/4 khu phố 4, đường TA 021, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Mai Bảo A, sinh năm 1990

Địa chỉ thường trú: 3/8 khu phố 4, thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: 1-27-4-405 Y, thành phố X, tỉnh Saitama, Japan (Nhật Bản).

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc Phương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Bảo A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 01/3/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm lối sống và cách nuôi dạy con cái. Năm 2014, ông Mai Bảo A đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản. Từ khi sang Nhật cho đến nay, do tính chất công việc nên giữa bà và ông A ít liên lạc để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ

chồng. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Mai Bảo A ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Mai Bảo A có 01 con chung là trẻ Mai Hoàng Bảo H, sinh ngày 25/5/2013, giới tính: Nam. Hiện nay, trẻ đang sống cùng với bà tại Việt Nam. Bà có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Mai Hoàng Bảo H và yêu cầu ông Mai Bảo A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 12/4/2021 được xác nhận của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nhật Bản ngày 12/4/2021, bị đơn ông Mai Bảo A trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Phương L.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Ngọc Phương L có 01 con chung là trẻ Mai Hoàng Bảo H, sinh ngày 25/5/2013, giới tính: Nam. Ông đồng ý giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Nguyễn Ngọc Phương L và ông Mai Bảo A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Phương L được ly hôn ông Mai Bảo A, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà L và ông A, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà L và ông A không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà L và ông A đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông Mai Bảo A là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc Phương L và ông Mai Bảo A có 01 con chung là trẻ Mai Hoàng Bảo H, sinh ngày 25/5/2013, giới tính: Nam. Bà L và ông A thỏa thuận giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông A cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, sự tự nguyện này của bà L và ông A là phù hợp với quy định pháp luật và không thay đổi môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của bà L và ông A.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Ngọc Phương L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Mai Bảo A phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Ngọc Phương L và ông Mai Bảo A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc Phương L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Phương L được ly hôn ông Mai Bảo A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 do Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2013 cho bà Nguyễn Ngọc Phương L và ông Mai Bảo A không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao con chung là trẻ Mai Hoàng Bảo H, sinh ngày 25/5/2013, giới tính: Nam cho bà Nguyễn Ngọc Phương L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Mai Bảo A cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng đến khi trẻ trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Ngọc Phương L chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0093643 ngày 03/02/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Mai Bảo A phải chịu 300.000 đồng, thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Bà Nguyễn Ngọc Phương L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Mai Bảo A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND thị trấn B, huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/16b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên

HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Nhung Nguyễn Thành Thông Lưu Thị Thủy Tiên

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận 7, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên